

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HU Y1ÊN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày Y1: 17-3-2023

V/v “L Y1 hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HU Y1ÊN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Nga.

2. Ông Dương Văn Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân hu Y1ên Đ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày Y1 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Ngu Y1ên đơn:*** Chị Trịnh Thị Huỳnh G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấp Phú H, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. ***Bị đơn:*** Anh Đặng Văn Trường Y1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ngu Y1ên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày Y1 06/10/2022; bản tự khai ngày Y1 07/11/2022 ngu Y1ên đơn là chị Trịnh Thị Huỳnh G trình bà Y1:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn Trường Y1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày Y1 16/4/2013. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Y1 thường xuyên uống rượu say xỉn lại đánh đập, chửi bới chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh Y1 không thay đổi. Chị và anh Y1 đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2020 đến nay Y1. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Y1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Tường Y1.

- Về con chung: Chị và anh Đặng Văn Tường Y1 có 01 con chung tên là Đặng Thủy N, sinh ngày 30/3/2013. Khi ly hôn chị Y1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Y1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đặng Văn Tường Y1 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn Tường Y1: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 392/TB-TLVA ngày Y1 07 tháng 11 năm 2022 cho anh Y1 nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Đặng Văn Tường Y1 không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Y1 không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh Y1 không có ý kiến trình bày Y1.

Tại phiên tòa hôm nay Y1 đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Y1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị G và anh Y1 đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

Về con chung: Chị G và anh Y1 có 01 con chung tên là Đặng Thủy N, sinh ngày ngày 30/3/2013. Cháu N hiện đang do chị G nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị G. Vì vậy, để tránh xáo trộn về tinh thần cũng như sự phát triển của cháu Ngọc cần tiếp tục giao con cháu Ngọc cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Y1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Huỳnh G chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đặng Văn Trường Y1 hiện cư trú tại ấp H, xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị Huỳnh G yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đặng Văn Trường Y1, Y1 yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “L Y1 hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trịnh Thị Huỳnh G là ngu Y1ên đơn; anh Đặng Văn Trường Y11 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Ngu Y1ên đơn chị Trịnh Thị Huỳnh G có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đặng Văn Trường Y11 đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về Luật áp dụng: Chị Trịnh Thị Huỳnh G và anh Đặng Văn Trường Y11 đăng ký kết hôn năm 2013 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[6] Về Y1êu cầu khởi kiện của ngu Y1ên đơn:

Chị G và anh Y1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét Y1êu cầu khởi kiện của chị G: Chị G xin ly hôn với lý do anh Y1 thường xuyên đánh đập, chửi bới chị và chị G cũng không còn tình cảm với anh Y1. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị G và anh Y1 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày Y1 của chị G, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị G và anh Y1 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Mặt khác, anh Y1 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này Y1 thể hiện anh Y1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy Y1, cuộc sống vợ chồng giữa chị G và anh Y1 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận Y1\yêu cầu xin ly hôn của chị G, giải quyết ly hôn cho chị G được ly hôn với anh Y1.

[7] Về con chung: Chị G và anh Y1 có 01 con chung tên là Đặng Thủy N, sinh ngày 30/3/2013. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện cháu N đang do chị G nuôi dưỡng, cháu N phát triển bình thường, khỏe mạnh và hiện đang được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, cuộc sống đang ổn định dù vợ chồng đã sống ly thân. Mặt khác, cháu Ngọc có nguyện vọng được ở cùng với chị Ngọc. Vì vậy, G con chung chưa thành niên là Đặng Thủy N, sinh ngày 30/3/2013 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Anh G có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị G chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tu Y1ên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Huỳnh G. Chị Trịnh Thị Huỳnh G được ly hôn với anh Đặng Văn Tường Y1.

2) Về con chung: Giao cháu Đặng Thủy N, sinh ngày 1 30/3/2013 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Anh Y1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trịnh Thị Huỳnh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0003864 ngày Y1 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị G đã nộp đủ án phí.

5) Về qu Y1ền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Huỳnh G và anh Đặng Văn Tường Y1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND hu Y1ện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Định
(GCNKH số 24, ngày Y1 16/4/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

